

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

Số: 1749/QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bình Định, ngày 19 tháng 05 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường
Dự án Nạo vét sông Kôn đoạn từ đập dâng Phú Phong đến
khối Hoà Lạc, thị trấn Phú Phong; xã Tây Phú, huyện Tây Sơn
(diện tích 91,411 ha, có thu hồi sản phẩm nạo vét) của UBND huyện Tây Sơn**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét Văn bản số 1090/STNMT-CCBVMТ ngày 14/4/2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc thông báo kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) dự án Nạo vét sông Kôn đoạn từ đập dâng Phú Phong đến khối Hoà Lạc, thị trấn Phú Phong; xã Tây Phú, huyện Tây Sơn (diện tích 91,411 ha, có thu hồi sản phẩm nạo vét) của UBND huyện Tây Sơn;

Xét nội dung Báo cáo ĐTM dự án Nạo vét sông Kôn đoạn từ đập dâng Phú Phong đến khối Hoà Lạc, thị trấn Phú Phong; xã Tây Phú, huyện Tây Sơn (diện tích 91,411 ha, có thu hồi sản phẩm nạo vét) đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Văn bản số 616/UBND-KT ngày 28/4/2023 của UBND huyện Tây Sơn;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 495/TTr-STNMT ngày 05/5/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Nạo vét sông Kôn đoạn từ đập dâng Phú Phong đến khối Hoà Lạc, thị trấn Phú Phong; xã Tây Phú, huyện Tây Sơn (diện tích 91,411 ha, có thu hồi sản phẩm nạo vét) (sau đây gọi là Dự án) của UBND huyện Tây Sơn (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại các xã Bình Thành, Bình Tường và thị trấn Phú Phong, huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và hướng dẫn, giám sát việc thực hiện của các nhà thầu trong quá trình nạo vét và vận chuyển khoáng sản cát từ dự án đến công trình theo nội dung yêu cầu tại Báo cáo đánh giá tác động môi trường.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường (để b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh;
- UBND huyện Tây Sơn;
- UBND thị trấn Phú Phong;
- UBND các xã: Bình Thành, Bình Tường;
- CVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, K4, K10.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Tuấn Thanh

Phụ lục
CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN
NẠO VÉT SÔNG KÔN ĐOẠN TỪ ĐẬP DÂNG PHÚ PHONG ĐẾN
KHOỈ HOÀ LẠC, THỊ TRẤN PHÚ PHONG; XÃ TÂY PHÚ, HUYỆN
TÂY SƠN (DIỆN TÍCH 91,411 HA, CÓ THU HỒI SẢN PHẨM NẠO VÉT)
TẠI CÁC XÃ BÌNH THÀNH, BÌNH TƯỜNG VÀ THỊ TRẤN
PHÚ PHONG, HUYỆN TÂY SƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH
CỦA UBND HUYỆN TÂY SƠN
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2023 của UBND tỉnh)

1. Thông tin về dự án

1.1. Thông tin chung

- Tên dự án: Nạo vét sông Kôn đoạn từ đập dâng Phú Phong đến khối Hoà Lạc, thị trấn Phú Phong; xã Tây Phú, huyện Tây Sơn (diện tích 91,411 ha, có thu hồi sản phẩm nạo vét).
- Địa điểm thực hiện: tại các xã Bình Thành, Bình Tường và thị trấn Phú Phong, huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định.
- Chủ đầu tư: UBND huyện Tây Sơn.
- Địa chỉ liên hệ: 59 đường Phan Đình Phùng, thị trấn Phú Phong, huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định.
- Điện thoại: 0256.3880761.

1.2. Phạm vi, quy mô, công suất, khối lượng nạo vét

- Phạm vi nạo vét: cách hạ lưu đập Văn Phong khoảng 03 km đến thượng lưu đập Phú Phong khoảng 60 m và cách 02 bên bờ sông tối thiểu 50 m, cách 02 cầu giao thông tối thiểu 150 m, diện tích nạo vét 91,411 ha (trong đó, diện tích tuyến nạo vét sau khi để lại mái dốc đảm bảo an toàn là 90,355 ha). Gồm 08 vị trí nạo vét, cụ thể:

Vị trí	Diện tích (ha)	Khối lượng (m ³)	Công suất (m ³ /ngày)	Chiều sâu nạo vét trung bình (m)	Cao độ đáy luồng thiết kế (m)
Vị trí 1 (xã Bình Thành)	30,857	588.611	4.527,8	1.85	+17.00 ÷ +16.19
Vị trí 2 (xã Bình Thành)	20,497	205.493	1.580,7	1.48	+16.19 ÷ +15.29
Vị trí 3 (xã Bình Tường)	5,560	35.798	275,4	1.10	+16.34 ÷ +16.02
Vị trí 4 (TT. Phú Phong)	1,475	14.292	109,9	0.85	+15.17 ÷ +15.12
Vị trí 5 (TT. Phú Phong)	19,219	121.465	934,3	0.93	+15.04 ÷ +14.01
Vị trí 6 (TT. Phú Phong)	6,251	56.380	433,7	0.80	+14.97 ÷ +14.46
Vị trí 7 (TT. Phú Phong)	1,960	9.811	75,5	1.05	+14.46 ÷ +14.34
Vị trí 8 (TT. Phú Phong)	4,536	23.739	182,6	1.09	+14.37 ÷ +14.00
Tổng cộng	90,355	1.055.589			

- Thời gian nạo vét: Khoảng 130 ngày, hoàn thành trước 30/9/2023 (theo Văn bản 401/SNN-QLXDCT ngày 23/02/2023 của Sở Nông nghiệp và PTNT).

- Thời gian nạo vét trong ngày: 8 giờ (từ 7h00 đến 11h00 và từ 13h00 đến 17h00 hàng ngày).

1.3. Phương pháp nạo vét: Thực hiện nạo vét đồng thời tại 08 vị trí. Tuyến nạo vét được phát triển theo tuyến song song với hướng dòng chảy của sông, nạo vét theo dải từ lòng sông vào bờ, từ thượng lưu về hạ lưu. Sử dụng máy đào dung tích 1,25 m³ để nạo vét, sản phẩm nạo vét (cát) được tập kết tại bãi lưu chứa tạm để rút nước, đảm bảo cát khô trước khi đưa lên ô tô vận chuyển đến công trình thi công (xe vận chuyển và thiết bị nạo vét phải thể hiện đầy đủ thông tin về tên nhà thầu thi công, tên công trình thi công và tên dự án nạo vét).

1.4. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư

1.4.1. Các hạng mục công trình chính:

- Bãi lưu chứa cát tạm: Bố trí 06 bãi lưu chứa cát tạm (nằm trong khu vực nạo vét tại vị trí số 01, 02, 03, 05, 06, 08) để cát rút nước, đảm bảo cát khô trước khi xúc lên ô tô vận chuyển đến công trình.

- Lán trại: Bố trí 05 lán trại (nằm ngoài phạm vi dự án, tại xã Bình Thành 02 lán trại, xã Bình Tường 01 lán trại và thị trấn Phú Phong 02 lán trại) để lắp đặt nhà vệ sinh di động. Bên ngoài lán trại đặt trạm cân, camera, bảng thông báo...

- Tuyến giao thông ngoài mỏ:

+ Vị trí nạo vét số 1, 2: Mở mới tuyến đường đất từ bờ hữu sông Kôn (phía Nam) đến Quốc lộ 19 với kích thước: dài 200 m x rộng 5 m, kết cấu bằng đường đất đầm chặt. Tuyến đường này sau khi kết thúc nạo vét sẽ giữ lại để tiếp tục thực hiện dự án Cầu Bình Thành, huyện Tây Sơn đã được HĐND tỉnh phê duyệt chủ trương đầu tư tại Nghị Quyết số 62/NQ-HĐND ngày 10/12/2022.

+ Vị trí số 3: Sử dụng đường đất hiện trạng có sẵn kết nối từ bờ hữu sông Kôn (phía Nam) đến Quốc lộ 19. Kích thước: dài 270m x rộng 4 m, kết cấu đường đất đầm chặt.

+ Vị trí số 4, 5, 6, 7, 8: Sử dụng tuyến đường hiện trạng có sẵn từ bờ hữu sông Kôn (phía Nam) đến đường Trần Hưng Đạo, thị trấn Phú Phong, kích thước: dài 30m x rộng 6m, kết cấu đường bê tông.

Để thông tuyến đường vận chuyển các vị trí với nhau, dự án sử dụng bãi bồi làm tuyến đường kết nối. Trường hợp các vị trí ngập nước, sẽ lắp đặt cống tràn, đảm bảo lưu thông dòng chảy.

Thời gian hoàn thành nạo vét của dự án trước ngày 30/9/2023 (trước mùa mưa). Tuy nhiên, trường hợp có mưa và hoạt động của dự án ảnh hưởng đến lưu thông dòng chảy, chủ dự án cam kết thực hiện tháo dỡ các công trình, di chuyển các thiết bị trong phạm vi lòng sông để đảm bảo lưu thông dòng chảy theo quy định.

1.4.2. Các hạng mục công trình bảo vệ môi trường: bố trí nhà vệ sinh di động; các thùng chứa chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại có dán nhãn nhận biết.

1.5. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường: Không có.

2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường:

- Tuyến đường nội bộ và bãi lưu chứa cát tạm có khả năng gây cản trở dòng chảy.

- Hoạt động nạo vét cát tại dự án gây nguy cơ sạt lở bờ, ảnh hưởng đến diện tích hoa màu của các hộ dân dọc theo bãi bồi giáp ranh dự án.

- Hoạt động vận chuyển cát đi tiêu thụ có nguy cơ gây rơi vãi, bụi và hư hỏng các tuyến đường.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án đầu tư

3.1. Nước thải, khí thải

- Nước thải: Nước thải sinh hoạt khoảng 7,5 m³/ngày, có hàm lượng ô nhiễm hữu cơ và vi sinh cao.

- Khí thải, bụi: phát sinh từ quá trình nạo vét, lưu chứa tạm và vận chuyển cát.

3.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại

- Chất thải rắn: Chất thải rắn sinh hoạt (bao bì nhựa, vỏ hộp, thức ăn thừa, ...) phát sinh khoảng 17,5 kg/ngày, có tỷ lệ chất hữu cơ cao, dễ phân hủy; gây mùi hôi và ruồi, nhặng.

- Chất thải nguy hại:

- + Chất thải nguy hại: bóng đèn huỳnh quang thải (Mã chất thải: 16 01 06) khoảng 0,6 kg/tháng.

- + Chất thải công nghiệp phải kiểm soát: Giẻ lau nhiễm dầu thải (Mã chất thải: 18 02 01) khoảng 01 kg/tháng.

3.3. Tiếng ồn, độ rung: phát sinh trong quá trình nạo vét, vận chuyển cát đến nơi tiêu thụ.

3.4. Các tác động khác:

- Hoạt động thi công các hạng mục công trình và hoạt động của các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu, sản phẩm nạo vét ảnh hưởng đến người dân sinh sống lân cận khu vực Dự án và dọc theo tuyến đường vận chuyển.

- Hoạt động thi nạo vét gây ảnh hưởng đến khả năng tiêu thoát nước, nguồn nước tưới nông nghiệp và gây cản trở hoạt động giao thông đi lại của người dân tại khu vực; nguy cơ sạt lở bờ sông, ảnh hưởng đến cầu và kè 02 bên bờ.

- Hoạt động tập trung đông công nhân có khả năng làm mất an ninh, trật tự xã hội khu vực dự án.

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án đầu tư

4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải

4.1.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải:

Đối với nước thải sinh hoạt: Bố trí nhà vệ sinh di động tại khu vực lán trại để thu gom, xử lý. Khi bể đầy, thuê đơn vị chức năng xử lý theo quy định.

4.1.2. Đối với xử lý bụi, khí thải:

- Đối với các phương tiện vận chuyển cát: vận chuyển cát khô, đúng tải trọng; phủ bạt kín trong quá trình vận chuyển không để rơi vãi dọc các tuyến đường.

- Trên tuyến đường vận chuyển cát tại những đoạn đi qua khu dân cư: thực hiện phun nước với tần suất 02 lần/ngày và tăng cường vào mùa nắng.

4.2. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại

4.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường: Bố trí 01 thùng/lán trại để lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt. Hợp đồng với đơn vị thu gom chất thải rắn sinh hoạt tại địa phương để xử lý theo đúng quy định.

4.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại: Trang bị các thùng lưu chứa chất thải nguy hại và chất thải công nghiệp phải kiểm soát có dán nhãn và thực hiện lưu chứa, hợp đồng xử lý theo quy định.

4.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung

Định kỳ bảo dưỡng máy móc thiết bị phục vụ nạo vét và trang bị bảo hộ lao động cho công nhân.

4.4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác

4.4.1. Phương án cải tạo, phục hồi môi trường:

a) Thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường với các nội dung sau:

STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Khối lượng	Kết quả đạt được	Thời gian thực hiện
I	Khu vực mỏ				
1.	Cấm biển báo nguy hiểm tại khu vực nạo vét	cái	08	Đảm bảo an toàn trong quá trình nạo vét.	Trước khi tiến hành nạo vét và giữ lại đến khi kết thúc nạo vét, hoàn thành việc phục hồi môi trường.

STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Khối lượng	Kết quả đạt được	Thời gian thực hiện
2.	San gạt mặt bằng khu vực nạo vét	m ³	31.667,7	Đảm bảo địa hình kết thúc nạo vét theo đúng cao độ đáy luồng thiết kế đã được Sở Nông nghiệp và PTNT thẩm định tại Văn bản số 401/SNN-QLXDCT ngày 23/02/2023.	San gạt theo kiểu cuốn chiếu, đảm bảo hoàn thành trước khi đóng đập Phú Phong.
3.	Đo vẽ địa hình khu vực mỏ	ha	91,411	Giám sát chiều sâu nạo vét đảm bảo theo thiết kế; đánh giá sạt lở 02 bờ sông.	San gạt theo kiểu cuốn chiếu, đảm bảo hoàn thành trước khi đóng đập Phú Phong.
II Khu vực ngoài vị trí nạo vét					
1.	Vệ sinh tuyến đường vận chuyển	m ³	185	Thu dọn cát rơi vãi (nếu có), giảm thiểu bụi, cát bay.	Thường xuyên.
	Tháo dỡ cống lắp đặt qua sông tại vị trí số 1, 2, 5	m ³	453,7	Thông thoáng lòng sông.	Thực hiện khi kết thúc nạo vét và hoàn thành trước khi đóng đập Phú Phong.
	Tháo dỡ đường vận chuyển cát qua sông vị trí 1, 2, 5	m ³	4.780,0	Thông thoáng lòng sông.	Thực hiện khi kết thúc nạo vét và hoàn thành trước khi đóng đập Phú Phong.
2.	Tháo dỡ lán trại tạm, nhà vệ sinh di động	m ²	168	Trả lại hiện trạng ban đầu.	Thực hiện khi kết thúc nạo vét.
3.	Thả rọ đá (kích thước rọ 2m x 1m x 0,5m) xếp 03 lớp với chiều cao 1,5 m, chiều dài 1.500 m gia cố bờ thuộc vị trí số 1	m	1.500	Đảm bảo an toàn cho khu vực bờ sông bằng đất, chưa được xây dựng kè chắn.	Trước khi tiến hành nạo vét và giữ lại sau khi kết thúc nạo vét.
4	Nâng cấp, cải tạo tuyến đường đất vận chuyển cát hiện trạng tại vị trí số 3	m	270	Phục vụ vận chuyển cát đi tiêu thụ.	Thường xuyên.

b) Kinh phí cải tạo, phục hồi môi trường

- Tổng dự toán chi phí cải tạo, phục hồi môi trường **3.526.951.000 đồng**
(Ba tỷ năm trăm hai mươi sáu triệu chín trăm năm mươi một nghìn đồng)

- Số lần ký quỹ: 01 lần với số tiền 3.526.951.000 đồng; thực hiện trước ngày bắt đầu thực hiện công tác nạo vét.

- Đơn vị nhận ký quỹ: Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Bình Định, số 387 Trần Hưng Đạo, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

4.4.2. Phương án bồi hoàn đa dạng sinh học: không thực hiện.

4.4.3. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường:

- Sau khi kết thúc nạo vét (trước ngày 30/9/2023), chủ dự án thực hiện tháo dỡ đường nội bộ, cống, bãi lưu chứa tạm... đảm bảo thông thoáng dòng chảy.

- Thực hiện nạo vét đúng quy trình, độ sâu cho phép; tạo góc nghiêng mái dốc bờ moong xung quanh ranh giới nạo vét và tại những vị trí có cao độ kết thúc chênh lệch lớn so với mặt bằng bên ngoài nhằm giảm thiểu sạt lở.

- Để giảm thiểu sạt lở bờ, trước khi nạo vét, hoàn thành việc gia cố với chiều dài khoảng 1.500 m bờ phía Bắc thuộc vị trí số 1 bằng kè rọ đá. Đồng thời, trong quá trình nạo vét, nếu có xảy ra hiện tượng sạt lở hai bên bờ, ảnh hưởng đến diện tích hoa màu của các hộ dân lân cận, Chủ dự án sẽ phối hợp với chính quyền địa phương để có biện pháp khắc phục sự cố và đền bù thiệt hại (nếu có).

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án đầu tư

5.1. Giám sát nước mặt

- Vị trí tại 03 điểm, cụ thể: 01 điểm tại thượng lưu dự án, cách ranh vị trí số 1 khoảng 30 m về phía Tây Nam, tọa độ: 1.540.414, 569.346; 01 điểm tại Trung tâm dự án, cách cầu Kiên Mỹ cũ 150 m về phía Đông, tọa độ: 1.539.101, 572.381; 01 điểm tại hạ lưu dự án, cách đập Phú Phong khoảng 30 m, tọa độ: 1.538.308, 574.485.

- Thông số giám sát: pH, tổng chất rắn lơ lửng, tổng dầu mỡ; so sánh với cột B1, QCVN 08-MT:2015/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt.

- Tần suất quan trắc: 02 tháng/lần.

5.2. Giám sát không khí xung quanh

- Vị trí: tại 02 điểm gần nhà dân trên tuyến đường vận chuyển cát, cụ thể: 01 vị trí tại tuyến đường phục vụ vận chuyển cho vị trí nạo vét số 3 (đoạn gần giáp với quốc lộ 19), tọa độ: 1.539.120, 570.167; 01 điểm trên tuyến đường vận chuyển cát của vị trí số 1, 2 (giáp với diện tích đất trồng hoa màu của người dân), tọa độ: 1.538.361, 573.621.

- Thông số giám sát: Bụi lơ lửng (TSP), so sánh với QCVN 05:2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh.

- Tần suất quan trắc 02 tháng/lần.

5.3. Giám sát việc thu gom chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại: lượng phát sinh, loại phát sinh, tần suất thu gom và lưu giữ.

5.4. Các giám sát khác:

- Giám sát sạt lở, an toàn giao thông, phòng chống cháy nổ, an toàn lao động.

- Vị trí giám sát: các khu vực nạo vét các vị trí tiếp giáp khu dân cư, các nút giao thông, khu vực lán trại, vị trí tập kết máy móc, vị trí lưu trữ nguyên nhiên liệu.

- Tần suất quan trắc: thường xuyên, liên tục trong suốt thời gian nạo vét.